

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/QĐ-UBND

*Đắk Lắk, ngày 16 tháng 01 năm 2012*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình  
ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân,  
Ủy ban Nhân dân trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định  
số 27/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 44/TTr-STP ngày 12 tháng 12 năm 2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

#### **1. Khoản 1 Điều 3 được bổ sung như sau:**

“1. Văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân là văn bản do Hội đồng nhân dân ban hành bằng hình thức nghị quyết, Ủy ban nhân dân ban

hành bằng hình thức quyết định, chỉ thị (sau đây gọi tắt là văn bản); theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP và Quy định này; nội dung có đủ các yếu tố theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP.

Văn bản Quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính (TTHC) là văn bản Quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bằng hình thức quyết định theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Quy định này; nội dung có đủ các yếu tố cấu thành văn bản Quy phạm pháp luật và có chứa các quy định về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức”.

## **2. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi của văn bản; không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 3 Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2008. Đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính còn phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP”;

## **3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Soạn thảo văn bản.

Đánh giá tác động của Thủ tục hành chính đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính ”.

## **4. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 7. Lập, thông qua Chương trình xây dựng văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp các đề nghị xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật của các sở, ngành và lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản hàng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP gửi Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý.

2. Nội dung góp ý vào dự kiến Chương trình bao gồm: Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành, thẩm quyền ban hành, cơ quan soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo, thời gian ban hành, nguồn lực tài chính, nhân lực thi hành văn bản và các vấn đề khác có liên quan”.

**5. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:**

“3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, thống nhất nội dung đề nghị điều chỉnh với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh”.

**6. Bổ sung khoản 7 Điều 12 như sau:**

“7. Trường hợp sau khi tổ chức lấy ý kiến, dự thảo văn bản phát sinh nội dung mới liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức hữu quan thì cơ quan soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối với những vấn đề mới phát sinh hoặc tổ chức lấy ý kiến lại đối với toàn bộ nội dung dự thảo”.

**7. Điều 26 được sửa đổi như sau:**

**“Điều 26. Lập, thông qua Chương trình xây dựng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Việc lập, thông qua Chương trình xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này”.

**8. Khoản 3 Điều 27 được sửa đổi như sau:**

“3. Căn cứ vào đề nghị điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, thống nhất nội dung đề nghị điều chỉnh với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh”.

**9. Điểm b Khoản 2 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Tổng kết việc thực hiện Chương trình xây dựng văn bản và báo cáo tình hình ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng và hàng năm”.

**10. Khoản 1 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Cơ quan soạn thảo văn bản phải tổ chức việc soạn thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP.

Đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính, cơ quan soạn thảo phải tổ chức đánh giá tác động của quy định về Thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP”.

11. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Lấy ý kiến dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Việc tổ chức lấy ý kiến dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

2. Đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính, ngoài việc tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan soạn thảo còn phải tổ chức lấy ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm:

a) Văn bản đề nghị góp ý kiến, trong đó nêu rõ vấn đề cần xin ý kiến đối với quy định về Thủ tục hành chính, xác định rõ các tiêu chí đã đạt được của Thủ tục hành chính nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;

b) Dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính;

c) Bản đánh giá tác động theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức hữu quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về Thủ tục hành chính. Chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi lấy ý kiến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến và gửi văn bản tham gia ý kiến cho cơ quan soạn thảo.

4. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo phải giải trình cụ thể.

Việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với quy định về Thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản phải được thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình. Văn bản tiếp thu, giải trình phải được gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh”.

## **12. Bổ sung khoản 3 Điều 31 như sau:**

“3. Đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan đề nghị thẩm định phải gửi thêm bản đánh giá tác động về Thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, trong đó có ý kiến góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tư pháp không tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định nếu dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính chưa có bản đánh giá tác động về Thủ tục hành chính và ý kiến góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh”.

**13. Khoản 2 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Phạm vi thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân .

Đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định và bổ sung trong Báo cáo thẩm định phân kết quả thẩm định về Thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản theo quy định về trách nhiệm thẩm định của pháp luật về ban hành văn bản Quy phạm pháp luật .

Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia thẩm định nội dung Thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản.

Nội dung thẩm định quy định về Thủ tục hành chính tập trung xem xét các vấn đề được quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP”.

**14. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 33. Trình hồ sơ dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành

1. Hồ sơ dự thảo văn bản và việc trình hồ sơ dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Quy định này.

2. Đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính, ngoài thành phần hồ sơ như quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định này, cơ quan trình dự thảo văn bản phải bổ sung thêm:

- a) Bản đánh giá tác động của quy định về Thủ tục hành chính ;
- b) Văn bản góp ý về Thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Văn bản tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo về ý kiến góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo văn bản có quy định về Thủ tục hành chính ”.

**15. Bổ sung Chương IV như sau:****“Chương IV****TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 44. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Quy định này.

2. Thực hiện nghiêm túc việc đăng Báo, Công báo tỉnh, niêm yết, đưa tin, gửi văn bản Quy phạm pháp luật đến cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo đúng quy định pháp luật. Thường xuyên tiến hành việc kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện và chất lượng ban hành văn bản; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp.

#### **Điều 45. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch**

1. Có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thẩm định dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật theo quy định; tham gia góp ý kiến đối với dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

2. Thường xuyên thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật và thực hiện chức năng kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền.

3. Hằng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của tỉnh.

#### **Điều 46. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản**

1. Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan có liên quan trong việc tổ chức soạn thảo văn bản; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ quy trình ban hành văn bản Quy phạm pháp luật. Định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp dự kiến Chương trình, Kế hoạch ban hành văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực của mình để báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách tham gia thực hiện công tác xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật theo quy định; đồng thời bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật của tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ngành trong việc dự trù kinh phí đảm bảo hoạt động xây dựng, ban hành văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật”.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung của Quyết định này, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Lữ Ngọc Cư**